

**Bản án số: 71/2024/HSST
Ngày: 29/07/2024**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÂM VƯƠNG MỸ LINH**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **TRẦN VĂN LÝ**

2/ Bà **NGÔ MỸ CHÂU**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **LÊ NGỌC XUÂN THIÊN** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông **LÊ HOÀNG LONG** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 19/2024/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. PHẠM NGỌC ĐỊNH - Sinh năm 1994 tại Khánh Hòa

Nơi cư trú: **Tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa**

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông **Phạm Đức N** (sinh năm: 1969) và bà **Nguyễn Thị X** (sinh năm: 1969); Vợ: **Đặng Thị Mỹ H** (sinh năm: 1999, đã ly hôn), có 1 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. NGUYỄN BÁ HI - Sinh năm 1996 tại Phú Yên

Nơi cư trú: **Khu phố A, phường P, thị xã T, tỉnh Phú Yên**

Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông **Nguyễn Bá D** (đã mất) và bà **Đông Thị T** (sinh năm: 1961); chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/3/2023 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo **Phạm Ngọc Đ** và **Nguyễn Bá H2** theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng: Luật sư **Hồ Xuân T1** (Công ty L3), là luật sư thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh K**. Luật sư **T1** vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà **Phạm Thị H3** – Sinh năm: 1975

Trú tại: **1 N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định**. Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Công ty TNHH K**

Người đại diện hợp pháp: Bà **Đỗ Thị M** – Sinh năm: 1983

Địa chỉ: **Tổ A N, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ L** – Sinh năm: 2000

Trú tại: **1 M, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Có mặt tại phiên tòa.

3. Ông **Nguyễn Văn T2** – Sinh năm: 1990

Trú tại: **Thôn Đ, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa**. Có mặt tại phiên tòa.

4. Ông **Phạm Văn J** – Sinh năm: 1993

Trú tại: **2 H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Có mặt tại phiên tòa.

5. Bà **Phạm Thị Ngọc D1** – Sinh năm: 1980

Trú tại: **B Chung cư A, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông **Lê Đức T3** – Sinh năm: 1991

Trú tại: **Tổ D, Phước Toàn T, P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Bà **Đặng Thị Thanh P** – Sinh năm: 1987

Trú tại: **Tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Bà **Phạm Thị Ngọc Q** – Sinh năm: 1991

Trú tại: **Tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Bà **Vũ Thị H4** – Sinh năm: 1984

Trú tại: **A Khu E, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Bà **Đông Thị T** – Sinh năm: 1961

Trú tại: **Khu phố A, phường P, thị xã T, tỉnh Phú Yên**
Có mặt tại phiên tòa.

11. Ông **Nguyễn Hữu C** – Sinh năm: 1983

Trú tại: **Tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông **Trương Chí T4** - Sinh năm: 1974

Địa chỉ: **1 N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định**. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bà **Phạm Thị H5** - Sinh năm: 1970

Địa chỉ: **2 Hồ N, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định**. Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông **Diệp Thế T5** - Sinh năm: 2003

Địa chỉ: **Thôn Đ, N, thị xã A, tỉnh Bình Định**. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Ông **Hà Thanh S** - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: **KV L, N, thị xã A, tỉnh Bình Định**. Vắng mặt tại phiên tòa.

5. Bà **Phạm Thị H6** - Sinh năm: 2000

Địa chỉ: **1 P, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

6. Ông **Nguyễn Ngọc Â** - Sinh năm: 1975

Địa chỉ: **11 hẻm F, tổ A, H, V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt tại phiên tòa.

7. Bà **Lâm Thị L1** – Sinh năm: 1947

Trú tại: **A Q, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai**. Vắng mặt tại phiên tòa.

8. Ông **Võ Đắc T6** – Sinh năm: 1974

Trú tại: **K, thị trấn P, thị xã T, tỉnh Bình Định**. Vắng mặt tại phiên tòa.

9. Ông **Nguyễn Thanh L2** – Sinh năm: 1957

Trú tại: **C Hồ N, Đ, A, tỉnh Bình Định**. Vắng mặt tại phiên tòa.

10. Bà **Hồ Diệp C1** – Sinh năm: 1971

Trú tại: **E Đ, thôn T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định**. Vắng mặt tại phiên tòa.

11. Ông **Lý Thiên T7** – Sinh năm: 1977

Trú tại: **Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên**. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/3/2023, **Phạm Ngọc Đ** rủ **Nguyễn Bá H2** đi cướp giật tài sản. **H2** điều khiển xe mô tô hiệu Sirius không có biển kiểm soát chữ **Đ** đi trên đường xem ai sơ hở thì cướp giật tài sản. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, cả hai đi đến khu vực **Dốc Đá M1** thuộc **thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa** thì

phát hiện bà **Phạm Thị H3** có đem theo túi xách vừa từ xe khách Yên Diên bước xuống để đi vệ sinh. **Đ** nói **H2** dừng xe rồi đi bộ tới chỗ bà **H3** giật túi xách rồi bỏ chạy đến chỗ **H2** đang đứng chờ, **H2** điều khiển xe tăng tốc bỏ chạy thoát. Sau đó, cả hai chạy đến nghĩa địa thuộc **thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa** thì dừng lại kiểm tra túi xách phát hiện bên trong có 120.000.000 đồng (bà **H3** khai số tiền trong túi khoảng 150.000.000 đồng), 02 cục kim loại màu vàng, một số đồ trang sức bằng kim loại màu vàng như nhẫn, dây chuyền và nhiều miếng kim loại màu vàng không rõ hình dáng có tổng khối lượng là 56,661 lượng. Số tiền cướp giật được, **Đ** đã mua 01 điện thoại Oppe Reno 8 với giá 10.000.000 đồng của một người (không rõ lai lịch) rồi đưa cho **H2** sử dụng; mua 01 điện thoại Iphone 14 Pro max với giá 30.000.000 đồng tại cửa hàng điện thoại của ông **Lê Đức T3** ở **số G đường Đ, phường P, thành phố N** để **Đ** sử dụng; số tiền 80.000.000 đồng **Đ** chuyển vào tài khoản của **Đ** tại **Ngân hàng V**. Sau đó, **Đ** dùng số tiền cướp giật được để trả nợ, số tiền còn lại trong tài khoản là 31.393.939 đồng.

Ngày 04/3/2023, **Đ** và **H2** đem 01 dây chuyền vàng và 02 cục vàng đến **tiệm V1 ở đường N, phường T, thành phố N** để bán. Bà **Phạm Thị H6** là nhân viên của tiệm vàng đã mua sợi dây chuyền vàng với giá 21.000.000 đồng, còn 02 cục vàng thì từ chối mua. Số tiền bán dây chuyền vàng, **Đ** đã mua 01 chiếc nhẫn vàng và 02 vé máy bay đi thành phố Hồ Chí Minh, còn lại là 8.775.000 đồng. Khi **Đ** và **H2** ra tới **sân bay C, tỉnh Khánh Hòa để đi thành phố Hồ Chí Minh** thì bị phát hiện bắt giữ.

Tại Biên bản làm việc ngày 06/3/2023 do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã N, tỉnh Khánh Hòa** lập có sự tham gia của 03 chủ tiệm vàng cùng máy móc đo đạc, cân điện tử đã xác định số kim loại màu vàng đã thu giữ có tổng khối lượng là 56,661 lượng vàng tây 18K.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐDGTS ngày 13/3/2023 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự **thị xã N, tỉnh Khánh Hòa** kết luận: 56,661 lượng vàng tây có giá: 1.699.830.000 đồng. Quá trình điều tra, các bị can **Phạm Ngọc Định, Nguyễn Bá H2** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị can và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại và được người bị hại viết đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các bị can chưa có tiền án, tiền sự.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius số khung RLCS5CC6307Y000623; số máy 5C63000623 đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T, tỉnh Phú Yên** để giải quyết theo thẩm quyền trong vụ việc mất trộm tài sản xảy ra ngày 13/9/2022 tại **thành phố T, tỉnh Phú Yên**. (Bút lục: 272)

- 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, số khung RLHKC2600GY000482; số máy KC26E1001226, gắn biển kiểm soát 79H1-524.55 đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** để giải quyết theo thẩm quyền trong vụ việc mất trộm tài sản xảy ra ngày 31/3/2020 tại **thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**. (Bút lục: 267)

- 56,661 lượng vàng tây 18K và 31.393.939 đồng, đã trả lại cho bà **Phạm Thị H3**. (BL: 338, 342)

- 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng V cùng mang tên Phạm Ngọc Đ, 01 ví da màu nâu, đã trả lại cho Phạm Ngọc Đ. (Bl: 344)
- 01 căn cước công dân, 01 thẻ ngân hàng V, 01 thẻ Bảo hiểm y tế, 01 Giấy phép lái xe cùng mang tên Nguyễn Bá H2, 01 ví da màu nâu, đã trả lại cho Nguyễn Bá H2. (Bl: 346)
- 01 đĩa DVD-R có nội dung lưu đoạn video trích từ camera tại Công ty TNHH K. (chuyển theo hồ sơ vụ án)
- 8.875.000 đồng;
- 01 điện thoại Iphone 14 Promax;
- 01 điện thoại Iphone 6S;
- 01 đồng hồ màu vàng;
- 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng ký hiệu “PPJ610 20.5”; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng ký hiệu “TD610 H.21”;
- 01 nhẫn màu vàng sọc đen;
- 03 áo khoác màu đen, dài tay;
- 01 bộ dụng cụ gồm: Cờ lê, búa, phá khóa;
- 01 điện thoại màu đen phía ốp lưng ghi chữ Oppo;
- 03 quần sọt và 02 áo.
- 01 giỏ xách màu nâu có hai dây đeo chéo (một dây màu đen, 01 dây màu đỏ trắng), đã qua sử dụng;

Phản dân sự: Bà Nguyễn Thị Mỹ L (bạn gái của bị can Phạm Ngọc Đ1) đã thay mặt bị can Phạm Ngọc Đ1 bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T2 (anh rể của bị can Nguyễn Bá H2) đã thay mặt Nguyễn Bá H2 bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng. Người bị hại là bà Phạm Thị H3 yêu cầu các bị can Đ1, H2 phải bồi thường số tiền còn lại đã chiếm đoạt.

Bản Cáo trạng số 17/CT-VKSKH-P1 ngày 11/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo Phạm Ngọc Định, Nguyễn Bá Hoàng về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đối với Phạm Thị H6 khi mua dây chuyền vàng do Phạm Ngọc Đ1 bán; Lê Đức T3 bán điện thoại cho Phạm Ngọc Đ1 để lấy tiền không biết đó là tài sản do phạm tội mà có hoặc sử dụng tiền do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên nội dung của bản cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết về nhân thân của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ1 mức

hình phạt từ 10 đến 11 năm tù; xử phạt bị cáo **Nguyễn Bá H2** mức hình phạt từ 9 đến 10 năm tù. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa các bị cáo và bị hại, buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền còn lại đã bị chiếm đoạt. Đề nghị tịch thu tiêu huỷ giỏ xách, bộ dụng cụ, áo quần của các bị cáo, tạm giữ đồng hồ, tài sản cá nhân thu giữ của các bị cáo để đảm bảo thi hành án. Đối với tài sản được mua bằng số tiền các bị cáo phạm tội mà có, đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2** xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã N**, **Công an tỉnh K**, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã nhiều lần tiến hành triệu tập họp lệ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng nhưng một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

Theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, căn cứ quy định tại Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, **Đoàn luật sư tỉnh K** đã phân công luật sư **Hồ Xuân T1**, là luật sư thuộc **Đoàn Luật sư tỉnh K** bào chữa cho các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, luật sư **Hồ Xuân T1** vắng mặt, các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2** yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt luật sư bào chữa, các bị cáo xác định từ chối người bào chữa và sẽ tự mình thực hiện quyền bào chữa tại phiên tòa, nên căn cứ khoản 3 Điều 77 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác nhận việc từ chối người bào chữa của các bị cáo.

[2] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Có cơ sở để xác định rằng, vào ngày 01/3/2023, **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2** đã có hành vi tiếp cận và nhanh chóng, công khai chiếm đoạt chiếc túi xách bên trong có 120.000.000 đồng và 56,661 lượng vàng tây 18K (có giá trị 1.699.830.000 đồng); tổng giá trị tài sản các bị cáo đã chiếm đoạt là 1.819.830.000 đồng của bà **Phạm Thị H3**, sau đó nhanh chóng tẩu thoát. Hành vi của các bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, với tình tiết định khung hình phạt “chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng rất xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó các bị cáo đều là người thực hành tích cực hành vi cướp giật tài sản của người bị hại. **Phạm Ngọc Đ1** là người rủ rê **Nguyễn Bá H2** thực hiện hành vi phạm tội, là người trực tiếp giật tài sản của bị hại **Phạm Thị H3**, do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét quyết định mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, trong đó mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** cần cao hơn bị cáo **Nguyễn Bá H2** mới đảm bảo nguyên tắc công bằng trong xử lý tội phạm và đảm bảo hiệu quả răn đe, giáo dục chung cho xã hội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, toàn bộ số vàng bị cướp giật và một phần tiền đã được thu hồi trả lại cho bị hại. Ngoài ra, các bị cáo đã tích cực tác động gia đình và người thân bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 60.000.000 đồng, bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; tại phiên tòa, bị hại **Phạm Thị H3** có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, và cần thiết áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Bá H2**, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Tại phiên tòa, người bị hại **Phạm Thị H3** yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bà **H3** số tiền 28.606.000 đồng.

Xét thấy: Bị hại **Phạm Thị H3** cho rằng bị cướp giật số tiền khoảng hơn 160.000.000 đồng, tuy nhiên bị hại không có chứng cứ chứng minh số tiền bị cướp giật của mình nên bị hại chỉ yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 120.000.000 đồng. Các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2** khai nhận khi kiểm tra túi xách, các bị cáo chỉ thấy có số tiền 120.000.000 đồng; các bị cáo đã sử dụng số tiền này để mua điện thoại Oppo Reno 8 cho bị cáo **H2**, mua điện thoại Iphone 14 promax cho bị cáo **Đ1** và trả nợ cá nhân. Số tiền còn lại sau khi các bị cáo tiêu xài là 31.393.939 đồng đã được trả lại cho bị hại **Phạm Thị H3**.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở để xác định rằng số tiền các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2** đã chiếm đoạt của bà **Phạm Thị H3** là 120.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà **Nguyễn Thị Mỹ L** và ông **Nguyễn Văn T2** xác định số tiền 60.000.000 đồng mà ông bà thay mặt các bị cáo bồi thường cho bị hại **Phạm Thị H3** là để bồi thường thay cho các khoản chi tiêu cá nhân của các bị cáo trong tổng số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại. Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, ông **Nguyễn Văn T2** và bà **Đồng Thị T** xác định gia đình các bị cáo tự nguyện bồi

thường số tiền trên, không yêu cầu các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2** phải bồi hoàn lại nên Hội đồng xét xử không xét.

Bà **Phạm Thị H3** yêu cầu các bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà số tiền còn lại là: 120.000.000 đồng - 31.393.939 đồng – 60.000.000 đồng = 28.606.000 đồng. Bị hại xác định chỉ yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại số tiền còn lại chưa bồi thường mà các bị cáo đã tiêu xài cá nhân, bị hại không yêu cầu thu hồi số tiền nói trên từ các cá nhân nào khác, các bị cáo đồng ý với yêu cầu bồi thường của bị hại và đồng ý thoả thuận phần nghĩa vụ tương ứng của từng bị cáo trong nghĩa vụ liên đới như nhau, tức phần nghĩa vụ bồi thường của mỗi bị cáo cho bị hại **Phạm Thị H3** là 14.303.000 đồng. Xét thấy sự tự nguyện thoả thuận giữa các bị cáo và bị hại về vấn đề bồi thường dân sự là không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận giữa các bị cáo và bị hại.

Đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – **Công ty TNHH K** là bà **Đỗ Thị M** xác định **tiệm V1** đã thu mua lại sợi dây chuyền vàng có trọng lượng 0,773 lượng, loại vàng 18K do bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** bán với giá 21.000.000 đồng, lượng vàng này đã được Công ty giao nộp cho cơ quan Cảnh sát điều tra và trả lại cho bị hại **Phạm Thị H3**.

Tuy nhiên, trong tổng số tiền 21.000.000 đồng mà các bị cáo nhận được từ **tiệm V1**, cơ quan Cảnh sát điều tra hiện đang thu giữ được số tiền 8.875.000 đồng, số tiền này cần được hoàn trả cho **Công ty TNHH K**. Tại phiên toà, gia đình các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2** đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho đại diện **Công ty TNHH K** số tiền 12.125.000 đồng còn lại. Vì vậy, bà **Đỗ Thị M** yêu cầu được nhận lại số tiền 8.875.000 đồng mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ để thanh toán phần nghĩa vụ còn lại của các bị cáo, xét thấy yêu cầu này của bà **M** là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius số khung RLCS5CC6307Y000623; số máy 5C63000623 đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố T**, tỉnh Phú Yên để giải quyết theo thẩm quyền trong vụ việc mất trộm tài sản xảy ra ngày 13/9/2022 tại **thành phố T, tỉnh Phú Yên**; 01 xe mô tô hiệu Honda Winner, số khung RLHKC2600GY000482; số máy KC26E1001226, gắn biển kiểm soát 79H1-524.55 đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố N**, tỉnh Khánh Hòa để giải quyết theo thẩm quyền trong vụ việc mất trộm tài sản xảy ra ngày 31/3/2020 tại **thành phố N, tỉnh Khánh Hòa** nên Hội đồng xét xử không xét.

- 56,661 lượng vàng tây 18K và 31.393.939 đồng, đã trả lại cho bà **Phạm Thị H3**; 01 căn cước công dân, 01 thẻ **ngân hàng V** cùng mang tên **Phạm Ngọc Đ1**, 01 ví da màu nâu, đã trả lại cho **Phạm Ngọc Đ1**; 01 căn cước công dân, 01 thẻ **ngân hàng V**, 01 thẻ Bảo hiểm y tế, 01 Giấy phép lái xe cùng mang tên **Nguyễn Bá H2**, 01 ví da màu nâu, đã trả lại cho **Nguyễn Bá H2** nên Hội đồng xét xử không xét.

- 01 đĩa DVD-R có nội dung lưu đoạn video trích từ camera tại **Công ty TNHH K** được lưu tại hồ sơ vụ án theo quy định.

- Đối với số tiền 8.875.000 đồng đã thu giữ của bị cáo **Phạm Ngọc Đ1**, xét thấy đây là số tiền còn lại trong tổng số tiền 21.000.000 đồng bị cáo có được từ việc bán sợi dây chuyền vàng cho **Công ty TNHH K**, hiện nay số vàng trên đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên cần hoàn trả cho **Công ty TNHH K** số tiền 8.875.000 đồng nói trên.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 14 Promax là tài sản do bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** mua bằng số tiền có từ việc phạm tội; 01 đồng hồ màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng ký hiệu “TD610 H.21”; 01 điện thoại Iphone 6S là tài sản cá nhân đã thu giữ của bị cáo **Phạm Ngọc Đ1**; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng ký hiệu “PPJ610 20.5” là tài sản bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** mua được từ việc sử dụng số tiền bán vàng cho **Công ty TNHH K**; 01 điện thoại màu đen phía ốp lưng ghi chữ **O** đã thu giữ của bị cáo **Nguyễn Bá H2** là tài sản do bị cáo **Nguyễn Bá H2** mua bằng số tiền có tiền việc phạm tội; 01 nhẫn màu vàng sọc đen là tài sản cá nhân của bị cáo **Nguyễn Bá H2**, cần tiếp tục tạm giữ các tài sản nói trên để đảm bảo thi hành nghĩa vụ bồi thường dân sự cho bị hại **Phạm Thị H3**.

- Đối với 03 áo khoác màu đen, dài tay; 01 bộ dụng cụ gồm: Cờ lê, búa, phá khóa; 03 quần sọt và 02 áo thu giữ của các bị cáo, 01 giỏ xách màu nâu có hai dây đeo chéo (một dây màu đen, 01 dây màu đỏ trắng), đã qua sử dụng là tài sản của bị hại **Phạm Thị H3**, xét thấy không có giá trị sử dụng, không ai có yêu cầu nhận lại tài sản nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1**, **Nguyễn Bá H2** phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2** mỗi bị cáo phải nộp 715.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1**, **Nguyễn Bá H2** phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 171, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2**;

Áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Nguyễn Bá H2**;

Xử phạt bị cáo **PHẠM NGỌC Đ2** 12 (mười hai) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 04/3/2023.

Xử phạt bị cáo **NGUYỄN BÁ H1** 11 (mười một) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, tạm giữ, tạm giam 04/3/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự,

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo **Phạm Ngọc Đ1**, bị cáo **Nguyễn Bá H2** và bị hại **Phạm Thị H3**.

Các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1**, **Nguyễn Bá H2** có nghĩa vụ phải liên đới bồi thường thiệt hại cho bà **Phạm Thị H3** số tiền 28.606.000 đồng (trong đó phần nghĩa vụ tương ứng mà mỗi bị cáo phải bồi thường cho bà **H3** là 14.303.000 đồng).

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Hoàn trả cho **Công ty TNHH K** số tiền 8.875.000 đồng đã thu giữ của bị cáo **Phạm Ngọc Đ1**.

- Tiếp tục tạm giữ 01 điện thoại Iphone 14 Promax; 01 điện thoại Iphone 6S; 01 đồng hồ màu vàng; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng ký hiệu “PPJ610 20.5”; 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng ký hiệu “TD610 H.21” đã thu giữ của bị cáo **Phạm Ngọc Đ1**; 01 điện thoại màu đen phía ốp lưng ghi chữ **O** và 01 nhẫn màu vàng sọc đen đã thu giữ của bị cáo **Nguyễn Bá H2** để đảm bảo thi hành nghĩa vụ bồi thường dân sự cho bị hại **Phạm Thị H3** và nghĩa vụ nộp án phí của các bị cáo.

- Tịch thu tiêu hủy 03 áo khoác màu đen, dài tay; 01 bộ dụng cụ gồm: cờ lê, búa, phá khóa; 03 quần sọt và 02 áo thu giữ của các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2**; 01 giỏ xách màu nâu có hai dây đeo chéo (một dây màu đen, 01 dây màu trắng đỏ), đã qua sử dụng của bà **Phạm Thị H3**.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K** và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa; biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh K** và Phòng PC10 – **Công an tỉnh K**; theo Giấy nộp tiền mặt ngày 27/02/2024 của Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp **Công an tỉnh K** vào tài khoản của **Kho bạc nhà nước K1**, mở tại Chi nhánh **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ3**).

Về án phí: Căn cứ điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Các bị cáo **Phạm Ngọc Đ1** và **Nguyễn Bá H2** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 715.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÂM VƯƠNG MỸ LINH